

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN ĐẸP NHƯ Ý VÀ ĐẸP NHƯ Ý – SỐ NGẮN ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ

STT	CÁC KHOẢN MỤC PHÍ	MÃ PHÍ		MỨC PHÍ TỐI THIỂU/ MỨC TẠM KHÓA TỐI THIỂU (ĐVT: VNĐ)	CĂN CỨ TÍNH
A	PHÍ MỞ TÀI KHOẢN				
I	Tài khoản Đẹp Như Ý				
1.1	Loại 1 - Số Đẹp Như Ý	F0		Do Giám đốc Khối KHCN phê duyệt và Phòng KH NSNN và DVTL ban hành/thông báo	
		F1		8.000.000 VNĐ	01 tài khoản
		F2		5.000.000 VNĐ	01 tài khoản
		F3		3.000.000 VNĐ	01 tài khoản
		F4		2.000.000 VNĐ	01 tài khoản
1.2	Loại 2 - Số Chọn Như Ý	F5	Chọn 3 ký tự	200.000 VNĐ	01 tài khoản
			Chọn 4,5 ký tự	500.000 VNĐ	01 tài khoản
			Chọn 6,7 ký tự	1.000.000 VNĐ	01 tài khoản
			Chọn 8,9 ký tự	1.500.000 VNĐ	01 tài khoản
II	Tài khoản Đẹp Như Ý - Số Ngắn				
2.1	Loại 1 - Số Đẹp Như Ý	6F0		Do Giám đốc Khối KHCN phê duyệt và Phòng KH NSNN và DVTL ban hành/thông báo	
		6F1		20.000.000 VNĐ	01 tài khoản
		6F2		15.000.000 VNĐ	01 tài khoản
		6F3		8.000.000 VNĐ	01 tài khoản

STT	CÁC KHOẢN MỤC PHÍ	MÃ PHÍ	MỨC PHÍ TỐI THIỂU/ MỨC TẠM KHÓA TỐI THIỂU (ĐVT: VNĐ)	CĂN CỨ TÍNH	
		6F4	5.000.000 VNĐ	01 tài khoản	
2.2	Loại 2 - Số Chọn Như Ý	6F5	1.000.000 VNĐ	01 tài khoản	
B	TẠM KHÓA SỐ DƯ TỐI THIỂU				
I	Tài khoản Đẹp Như Ý				
1.1	Loại 1 - Số Đẹp Như Ý	F0	Do Giám đốc Khối KHCN phê duyệt và Phòng KH NSNN và DVTL ban hành/thông báo		
		F1	15.000.000 VNĐ hoặc 600 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản	
		F2	10.000.000 VNĐ hoặc 400 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản	
		F3	8.000.000 VNĐ hoặc 300 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản	
		F4	6.000.000 VNĐ hoặc 250 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản	
1.2	Loại 2 - Số Chọn Như Ý	F5	Chọn 3 ký tự	1.000.000 VNĐ hoặc 40 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản
			Chọn 4,5 ký tự	2.000.000 VNĐ hoặc 80 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản
			Chọn 6,7 ký tự	3.000.000 VNĐ hoặc 120 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản
			Chọn 8,9 ký tự	5.000.000 VNĐ hoặc 200 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản
II	Tài khoản Đẹp Như Ý - Số Ngắn				
2.1	Loại 1 - Số Đẹp Như Ý	6F0	Do Giám đốc Khối KHCN phê duyệt và Phòng KH NSNN và DVTL ban hành/thông báo		
		6F1	30.000.000 VNĐ hoặc 1.200 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản	
		6F2	20.000.000 VNĐ hoặc 800 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản	

STT	CÁC KHOẢN MỤC PHÍ	MÃ PHÍ		MỨC PHÍ TỐI THIỂU/ MỨC TẠM KHÓA TỐI THIỂU (ĐVT: VNĐ)	CĂN CỨ TÍNH
		6F3		16.000.000 VNĐ hoặc 600 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản
		6F4		12.000.000 VNĐ hoặc 500 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản
2.2	Loại 2 - Số Chọn Như Ý	6F5		3.000.000 VNĐ hoặc 120 USD hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương	01 tài khoản
C	PHÍ ĐÓNG TÀI KHOẢN				
I	Đối với KH lựa chọn nộp phí mở tài khoản			Theo quy định về Phí đóng TKTT/Gói TKTT tại Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Quy định này và các quy định, văn bản bổ sung, thay thế (nếu có) ban hành từng thời kỳ	
II	Đối với KH lựa chọn Tạm khóa số dư khi mở tài khoản				
2.1	KH đóng tài khoản trước 12 tháng kể từ ngày mở tài khoản			100% mức phí mở tài khoản tương ứng, tối thiểu 50.000 VND	01 tài khoản
2.2	KH đóng tài khoản sau 12 tháng kể từ ngày mở tài khoản	F0, F1, F2, 6F0, 6F1, 6F2		20% mức phí mở tài khoản tương ứng, tối thiểu 50.000 VND	01 tài khoản
		F3, F4, F5, 6F3, 6F4, 6F5		10% mức phí mở tài khoản tương ứng, tối thiểu 50.000 VND	01 tài khoản
2.3	KH đóng tài khoản sau 24 tháng kể từ ngày mở tài khoản			Miễn phí	